

DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ XÉT NGHIỆM - BỆNH VIỆN ĐKKV MÓNG CÁI - CƠ SỞ 2

(Kèm theo Quyết định số 401/QĐ-BVMC ngày 07/05/2026)

STT	MÃ QĐ rút gọn chuẩn	Mã tương đương	Tên chương theo TT 23/20245/TT-BYT	Tên danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân loại PTTT	Giá theo NQ321	Ghi chú
1	1.176	01.0176.0118	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)	TDB	2.310.600	Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc.
2	1.177	01.0177.0118	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu có thâm tách (CVVHD)	Lọc máu liên tục cấp cứu có thâm tách (CVVHD)	TDB	2.310.600	Chưa bao gồm quả lọc, bộ dây dẫn và dịch lọc.
3	1.191	01.0191.0195	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu hấp phụ bằng quả lọc	Lọc máu hấp phụ bằng quả lọc	TDB	1.607.000	Chưa bao gồm quả lọc hấp phụ và dây dẫn
4	1.192	01.0192.0119	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương sử dụng huyết tương	Thay huyết tương sử dụng huyết tương	TDB	1.734.600	Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, quả lọc hấp phụ các loại, các cỡ, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin.
5	1.193	01.0193.0119	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương sử dụng albumin	Thay huyết tương sử dụng albumin	TDB	1.734.600	Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, quả lọc hấp phụ các loại, các cỡ, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin.
6	1.338	01.0338.0119	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain-barré với dịch thay thế albumin 5%	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain-barré với dịch thay thế albumin 5%	TDB	1.734.600	Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, quả lọc hấp phụ các loại, các cỡ, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin.
7	1.340	01.0340.0119	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain-barré với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain-barré với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	TDB	1.734.600	Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, quả lọc hấp phụ các loại, các cỡ, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin.
8	1.342	01.0342.0119	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị con nhược cơ với dịch thay thế albumin 5%	Thay huyết tương trong điều trị con nhược cơ với dịch thay thế albumin 5%	TDB	1.734.600	Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, quả lọc hấp phụ các loại, các cỡ, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin.
9	1.344	01.0344.0119	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị con nhược cơ với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	Thay huyết tương trong điều trị con nhược cơ với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	TDB	1.734.600	Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, quả lọc hấp phụ các loại, các cỡ, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin.

STT	Mã QĐ rút gọn chuẩn	Mã tương đương	Tên chương theo TT 23/2024/TT-BYT	Tên danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân loại PTTT	Giá theo NQ321	Ghi chú
10	1.346	01.0346.0097	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp	TDB	578.500	Chưa bao gồm thuốc tiêu sợi huyết
11	1.348	01.0348.0119	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương tươi bằng huyết tương tươi đông lạnh trong điều trị suy gan cấp	Thay huyết tương tươi bằng huyết tương tươi đông lạnh trong điều trị suy gan cấp	TDB	1.734.600	Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, quả lọc hấp phụ các loại, các cỡ, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin.
12	1.359	01.0359.0119	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị viêm tụy cấp do tăng triglyceride	Thay huyết tương trong điều trị viêm tụy cấp do tăng triglyceride	TDB	1.734.600	Chưa bao gồm quả lọc tách huyết tương, quả lọc hấp phụ các loại, các cỡ, bộ dây dẫn và huyết tương đông lạnh hoặc dung dịch albumin.
13	2.220	02.0220.0440	II. NỘI KHOA	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	TDB	1.345.000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
14	2.285	02.0285.0140	II. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - kẹp clip cầm máu	Nội soi can thiệp - kẹp clip cầm máu	TDB	798.300	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
15	2.290	02.0290.0500	II. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa	TDB	1.743.100	-
16	2.296	02.0296.0500	II. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1 cm hoặc nhiều polyp	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1 cm hoặc nhiều polyp	TDB	1.743.100	-
17	3.113	03.0113.0074	III. NHI KHOA	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	TDB	532.500	Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần.
18	3.1074	03.1074.0104	III. NHI KHOA	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	TDB	950.500	Chưa bao gồm Sonde JJ.
19	3.1076	03.1076.0440	III. NHI KHOA	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	TDB	1.345.000	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
20	3.1077	03.1077.0115	III. NHI KHOA	Nội soi lấy sỏi niệu quản	Nội soi lấy sỏi niệu quản	TDB	1.010.000	Chưa bao gồm sonde niệu quản và dây dẫn Guide wire.
21	3.1942	03.1942.1010	III. NHI KHOA	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	TDB	380.100	-
22	3.2072	03.2072.1009	III. NHI KHOA	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	TDB	414.400	-
23	3.2254	03.2254.0686	III. NHI KHOA	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	PDB	4.721.300	-
24	3.3025	03.3025.1149	III. NHI KHOA	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	TDB	458.200	-

STT	Mã QĐ rút gọn chuẩn	Mã tương đương	Tên chương theo TT 23/2024/TT-BYT	Tên danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân loại PTTT	Giá theo NQ321	Ghi chú
25	3.3026	03.3026.1150	III. NHI KHOA	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	TDB	618.300	-
26	3.3708	03.3708.0552	III. NHI KHOA	Phẫu thuật chuyên ngón thay thế ngón cái	Phẫu thuật chuyên ngón thay thế ngón cái	PDB	7.094.200	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít, mạch máu nhân tạo.
27	3.3909	03.3909.0505	III. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ	Trích rạch áp xe nhỏ	TDB	218.500	-
28	3.3910	03.3910.0505	III. NHI KHOA	Trích hạch viêm mù	Trích hạch viêm mù	TDB	218.500	-
29	3.4131	03.4131.0691	III. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	PDB	8.630.200	-
30	3.4132	03.4132.0692	III. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	PDB	8.769.200	-
31	10.1	10.0001.0577	X. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	PDB	5.204.600	-
32	10.57	10.0057.0083	X. NGOẠI KHOA	Chọc dịch não tủy thất lưng (thủ thuật)	Chọc dịch não tủy thất lưng (thủ thuật)	TDB	126.900	Chưa bao gồm kim chọc dò.
33	10.155	10.0155.0404	X. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	PDB	14.778.300	Chưa bao gồm động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học
34	10.318	10.0318.0104	X. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	TDB	950.500	Chưa bao gồm sonde.
35	10.344	10.0344.0585	X. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar	TDB	1.096.500	-
36	10.490	10.0490.0458	X. NGOẠI KHOA	Cắt nhiều đoạn ruột non	Cắt nhiều đoạn ruột non	PDB	5.100.100	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
37	10.727	10.0727.0553	X. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay	PDB	5.105.100	Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lỏng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
38	10.778	10.0778.0556	X. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	PDB	4.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
39	10.782	10.0782.0556	X. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	PDB	4.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.

STT	MÃ QĐ rút gọn chuẩn	Mã tương đương	Tên chương theo TT 23/20245/TT-BYT	Tên danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân loại PTTT	Giá theo NQ321	Ghi chú
40	10.786	10.0786.0556	X. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	PDB	4.102.500	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
41	10.840	10.0840.0559	X. NGOẠI KHOA	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	PDB	3.302.900	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
42	10.841	10.0841.0559	X. NGOẠI KHOA	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì	PDB	3.302.900	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
43	13.1	13.0001.0676	XIII. SẢN KHOA	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược	PDB	8.625.200	-
44	13.6	13.0006.0673	XIII. SẢN KHOA	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	PDB	6.517.600	-
45	13.9	13.0009.0659	XIII. SẢN KHOA	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp	PDB	10.506.300	-
46	13.10	13.0010.0660	XIII. SẢN KHOA	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	PDB	8.104.200	-
47	13.45	13.0045.0622	XIII. SẢN KHOA	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	TDB	2.520.200	-
48	13.59	13.0059.0661	XIII. SẢN KHOA	Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	PDB	6.836.200	-
49	15.235	15.0235.0926	XV. TAI MŨI HỌNG	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê [gây mê]	TDB	774.400	-
50	15.235	15.0235.0928	XV. TAI MŨI HỌNG	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê [gây tê]	TDB	350.500	-
51	15.240	15.0240.0904	XV. TAI MŨI HỌNG	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây mê]	TDB	754.400	-
52	15.240	15.0240.0905	XV. TAI MŨI HỌNG	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây tê]	TDB	404.900	-

STT	Mã QĐ rút gọn chuẩn	Mã tương đương	Tên chương theo TT 23/20245/TT-BYT	Tên danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Phân loại PTTT	Giá theo NQ321	Ghi chú
53	15.241	15.0241.1003	XV. TAI MŨI HONG	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	TDB	943.600	-
54	16.298	16.0298.1009	XVI. RĂNG HÀM MẶT	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	TDB	414.400	-